

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 06-03-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Phương

Ông Lý Đình Đạt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2023/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐ-ST ngày 30/01/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17/02/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc L, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm V, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang lao động tại Đài Loan.

Chị L ủy quyền cho ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1993 Địa chỉ: Số 436 Đ, thành phố H, tỉnh Hải Dương giao và nhận các tài liệu đối với Tòa án (Văn bản ủy quyền ngày 28/11/2022).

2. Bị đơn: Anh Hoàng Trung K, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố I, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang lao động ở nước ngoài, không rõ địa chỉ cụ thể.

Địa chỉ cuối cùng của anh K ở Việt Nam: Tổ dân phố I, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị H, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm V, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai(có chứng thực của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc), nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 31/10/2011 chị và anh Hoàng Trung K đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyển số 01/2011. Sau khi kết hôn chị và anh K sống với nhau hạnh phúc được khoảng 02 năm đầu. Sau đó chị và anh K không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong chăm sóc, nuôi dạy con, anh K thường xuyên rượu chè, không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Ngày 28/3/2014 chị có đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Khi chị đi anh K bắt đầu ghen tuông và cố tình mâu thuẫn với chị. Đến năm 2016 anh K sang Đài Loan xuất khẩu lao động, chị và anh K không ở với nhau, anh chị ngày càng phát sinh mâu thuẫn nhiều hơn và ít liên lạc với nhau. Đến nay anh chị không còn liên lạc, cuộc sống không hạnh phúc, xa cách nhau không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên nhân do anh chị không còn chung sống với nhau, không hợp nhau về tính cách do quan điểm sống bất đồng và chị không biết địa chỉ cụ thể của anh K đang làm việc ở đâu tại Đài Loan. Anh K vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị và anh Hoàng Trung K được ly hôn nhau.

Về con chung: Chị và anh K có 01 con chung là cháu Hoàng Bảo T, sinh ngày 05/09/2012. Hiện nay cháu T đang sinh sống cùng ông bà ngoại. Sau khi ly hôn chị đề nghị giao cháu T cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nhưng tạm giao cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị về nước sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị L trình bày: Hiện nay chị và anh K làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang. Do chị và anh K không ở Việt Nam nên không thể đến Tòa án được. Vì vậy, chị đề nghị được vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án và các phiên tòa xét xử. Chị ủy quyền cho ông Nguyễn Ngọc T; địa chỉ Số 436 Đ, thành phố H, tỉnh Hải Dương thay mặt chị nộp các tài liệu, nộp tạm ứng án phí và nhận các thông báo, các giấy tờ của Tòa án.

Anh Hoàng Trung K là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Tại biên bản làm việc ngày 18/01/2023 và 09/02/2023, bà Nguyễn Thị P là mẹ đẻ anh Hoàng Trung K cung cấp anh K hiện nay đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Về hôn nhân của anh K, chị L bà cho biết: Anh, chị được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, chị L về nhà bà làm dâu và chung sống hòa thuận với gia đình nhà chồng. Chung sống một thời gian anh, chị đều đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Sang Đài Loan một thời gian thì anh, chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân mâu thuẫn là gì thì bà không rõ, bà có khuyên bảo anh, chị bỏ qua mâu thuẫn để cùng chăm sóc, nuôi dưỡng con nhưng không được. Anh, chị có 01 con chung là Hoàng Bảo T, sinh ngày 05/9/2012. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng ông, bà ngoại. Bà P cho biết anh K vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh K không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh K tại Đài Loan.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H là mẹ đẻ của chị L trình bày: Anh K, chị L được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân và được hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới, hỏi theo phong tục địa phương. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị L về nhà anh K làm dâu và chung sống hòa thuận bên gia đình nhà chồng. Chung sống với nhau một thời gian thì chị L đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, sau đó thì anh K cũng sang Đài Loan lao động. Không lâu sau thì thấy anh K, chị L nói có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh, chị nói là do bất đồng quan điểm sống. Bà đã khuyên bảo anh, chị bỏ qua mâu thuẫn để về chung sống và cùng chăm sóc con nhưng không được. Anh, chị có 01 con chung là cháu Hoàng Bảo T, sinh ngày 05/09/2012. Hiện nay cháu T đang sinh sống cùng bà. Bà H đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T thay chị L trong thời gian chị L không ở Việt Nam. Bà nhận thấy đây là nghĩa vụ của mình đối với cháu nên không yêu cầu anh K, chị L phải cấp dưỡng hay trích trả tiền chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T. Tài sản chung, công nợ của anh K, chị L thì ông, bà không rõ. Bà xin vắng mặt tại các buổi làm việc với Tòa án, xin vắng mặt tại các phiên xét xử và phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải.

Cháu Hoàng Bảo T trình bày: Cháu hiện nay đang sinh sống cùng mẹ, ông bà ngoại, tại xóm V, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Cháu được mẹ và ông bà ngoại chăm sóc đầy đủ cả về vật chất lẫn tinh thần. Mẹ cháu đi lao động nước ngoài nhưng thường xuyên gọi điện về hỏi thăm sức khỏe và tình hình học tập của cháu, ngoài ra mẹ cũng gửi tiền về cho ông, bà ngoại để ông, bà ngoại chăm sóc cháu. Cháu được ông, bà ngoại cho đi học đầy đủ. Nếu bố mẹ ly hôn, cháu muốn được ở cùng mẹ và ông, bà ngoại.

Tại phiên tòa, chị Lê Thị Ngọc L, bà Trần Thị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Hoàng Trung K đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Lê Thị Ngọc L, bà Trần Thị H; Biên bản làm việc với mẹ đẻ của anh Hoàng Trung K và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có

địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, Điều 104 khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc L.

Xử cho chị Lê Thị Ngọc L được ly hôn anh Hoàng Trung K.

Về con chung: Do anh K hiện nay đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Hoàng Bảo T, sinh ngày 05/09/2012 cho chị Lê Thị Ngọc L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho bà Trần Thị H là mẹ đẻ chị L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị L về nước sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung: Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lê Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị L khởi kiện xin ly hôn anh K và đề nghị giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Theo Công văn trả lời số 1507/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 19/01/2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh-Bộ công an cung cấp, anh K xuất cảnh gần nhất ngày 08/4/2015, hiện chưa có thông tin nhập. Như vậy, anh K hiện nay đang lao động tại nước ngoài. Mặt khác, anh K là bị đơn hiện có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự:

[3.1] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: chị Lê Thị Ngọc L và bà Trần Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Lê Thị Ngọc L, bà Trần Thị H.

[3.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Căn cứ theo lời khai của nguyên đơn, bà Phở là mẹ đẻ anh K, Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú cuối cùng của anh K

trước khi xuất cảnh lần gần nhất là khu phố 1, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho anh K thông qua bà P và đề nghị bà P thông báo cho anh K biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa nguyên đơn là chị Lê Thị Ngọc L và bị đơn là anh Hoàng Trung K. Bà P cho biết anh K vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh K không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh K tại Đài Loan. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc L và anh Hoàng Trung K kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 31/10/2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Hoàng Trung K.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị Ngọc L với anh Hoàng Trung K. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị L và anh K chung sống với nhau hòa thuận. Tuy nhiên sau khi anh K, chị L đi lao động tại Đài Loan một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù cùng lao động tại Đài Loan nhưng chị và anh K không chung sống cùng nhau, chị không biết địa chỉ của anh K, vợ chồng không liên lạc, không quan tâm chăm sóc nhau. Chị L xác định kể từ năm 2016 vợ chồng không còn liên lạc hỏi thăm nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Do đó, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng anh K, chị L không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L với anh K, xử cho chị L được ly hôn anh K là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về nuôi con chung: Chị L và anh K có 01 con chung là cháu Hoàng Bảo T, sinh ngày 05/9/2012. Hiện nay con chung đang sinh sống cùng chị L và bà Trần Thị H là mẹ đẻ chị L. Sau khi ly hôn chị L đề nghị giao con chung cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị L về nước sinh sống.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị L: Hội đồng xét xử thấy anh K, chị L đều đang xuất khẩu lao động tại nước ngoài nên không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Mặt khác, kể từ khi anh K, chị L đi lao động đến nay cháu T vẫn do bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu T phát triển bình thường cả về thể chất lẫn tinh thần. Ngoài ra, bà H cũng đồng ý nuôi cháu T giúp chị L trong thời gian chị L đang lao động tại nước ngoài. Cháu T trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở cùng mẹ và bà ngoại. Chị L làm việc tại nước ngoài nhưng thường

xuyên gọi điện hỏi thăm con và gia đình. Do đó, căn cứ Điều 81, 82, 83, 104 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị L đối với yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cháu Hoàng Bảo T, sinh ngày 05/9/2012 là có căn cứ và phù hợp điều kiện thực tế và nguyện vọng của cháu T. Nhưng tạm giao cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T cho đến khi chị L về nước sinh sống.

Sau khi ly hôn anh Hoàng Trung K có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh K thực hiện quyền này.

Trường hợp anh Hoàng Trung K về nước sinh sống, có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L, bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về tài sản, công nợ: Chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[9]. Về quyền kháng cáo:

[9.1] Anh Hoàng Trung K, chị Lê Thị Ngọc L vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở nước ngoài nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

[9.2] Bà Trần Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở trong nước nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 104, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1, 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc L được ly hôn anh Hoàng Trung K.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Hoàng Bảo T, sinh ngày 05/09/2012 cho chị Lê Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật nhưng tạm giao cháu T cho bà Trần Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị L về nước sinh sống.

Sau khi ly hôn, anh K không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh K thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000802 ngày 06/01/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Lê Thị Ngọc L, anh Hoàng Trung K đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Bà Trần Thị H vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

